TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Anh, bà Đinh Thị Minh Thúy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Bích N - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 29/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị P (tên gọi khác: Lò Thị Pành), sinh năm 1996; địa chỉ: Bản N, xã PC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản SL, xã TH, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày như sau:

Chị và anh Đặng Văn N kết hôn với nhau năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, nay là Ủy ban nhân dân xã TH, tỉnh Sơn La. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cãi vã, anh N thường xuyên tụ tập uống rượu. Hiện nay vợ chồng đã ly thân. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Ánh N sinh ngày 30/12/2017 và cháu Đặng N H sinh ngày 22/9/2019. Hiện nay các cháu đang ở với ông bà nội tại bản SL, xã TH, tỉnh Sơn La. Chị yêu cầu được nuôi các con chung. Ngoài ra, sống cùng vợ chồng anh chị có cháu Lò Thị Q sinh ngày 10/10/2014 là con riêng của chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con và yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu N và cháu H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Q. Nếu sau này anh N có yêu cầu thì chị nhất trí để anh N trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là cháu N và cháu H.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La), ông Lý Văn Quỳa, trưởng bản SL, xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xác nhận: Anh N và chị P kết hôn năm 2017 và đăng ký thường trú tại bản SL. Khi phát sinh mâu thuẫn, anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương hoà giải nên ông không biết được nguyên nhân mâu thuẫn. Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Anh N và cháu Đặng N H, hiện đang ở với bố và ông bà nội. Ngoài ra còn cháu Lò Thị Q là con riêng của chị P đang ở cùng. Anh N và chị P đều là lao động tự do. Anh N là thợ xây, không có mặt tại địa phương nhưng thường xuyên về nhà chăm sóc bố mẹ, con cái.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Văn N đăng ký thường trú nhưng không có mặt thường xuyên tại bản SL, xã TH, tỉnh Sơn La. Các tài liệu, chứng cứ mà chị P giao nộp cho Tòa án đã được chị P giao cho ông Đặng Văn G (bố của anh N), ông G đã cam kết giao lại cho anh N. Anh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Toà án: Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn với anh Đặng Văn N. Giao cháu Lò Thị Q, cháu Đặng Anh N và cháu Đặng N H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh nguyên phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu N và cháu H 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: N đơn chị Lò Thị P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn N. Do đó, quan hệ pháp luật là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn N cư trú tại bản SL, xã TH, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bố anh N là ông Đặng Văn G đã nhận được thông báo thụ lý vụ án các tài liệu gồm đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp. Ông G cam kết sẽ giao lại cho anh N. Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được niêm yết công khai theo đúng quy định. Tuy nhiên anh N cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Toà án, tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Đặng Văn N đăng ký kết hôn ngày 02/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi đăng ký, anh chị đã đủ tuổi kết hôn và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng chị P anh N hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. N nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P với anh N.

[4] Về con chung: Chị P và anh N có 02 con chung. Cháu Lò Thị Q là con riêng của chị P nhưng chung sống với anh chị nên căn cứ Điều 79 Luật Hôn nhân và gia đình, anh N có nghĩa vụ và quyền với cháu Q như với con chung. Chị P có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh N thường xuyên đi làm xa, vắng mặt tại địa phương, thường xuyên đi làm ăn xa nên không thể đảm bảo việc chăm sóc con cái. Căn cứ Điều 81,

82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cả 03 con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu N và cháu H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P là người dân tộc Khơ Mú, anh N là người dân tộc Dao, anh chị đều sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị P và anh Đặng Văn N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 59, 79, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lò Thị P ly hôn anh Đặng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ánh N sinh ngày 30/12/2017, cháu Đặng N H sinh ngày 22/9/2019 và cháu Lò Thị Q sinh ngày 10/10/2014 cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đặng Ánh N và cháu Đặng N H số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2025 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị P và anh Đặng Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: N đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án *(ngày 04/9/2025)*. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã TH, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam